ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4505/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 05 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3946/STNMT-CCBVMT ngày 14/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 3264/BQLGT-ĐHDA1 ngày 30/11/2023 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1468/TTr-STNMT ngày 04/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND các huyện: Tây Sơn, Vân Canh;
- UBND các xã: Nhơn Tân, Bình Nghi, Canh Vinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ QUỐC LỘ 19 ĐẾN KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ BECAMEX VSIP BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi:

+ Tuyến chính: điểm đầu tại ngã tư giữa Quốc lộ 19 (Km27+250) và ĐT.638 (Km120+825) thuộc địa phận xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn. Điểm cuối giáp với đường ĐS10 của Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định; chiều dài: 12,945 km.

+ Tuyến nhánh: điểm đầu tại Km2+48,00 thuộc Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định, thuộc địa phận xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn. Điểm cuối giáp với tuyến đường tránh phía Nam Thị Trấn Phú Phong; chiều dài: 6,557 km.

- Quy mô: đầu tư xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, đường cấp III, tổng chiều dài tuyến đường 19,445 km, cụ thể:

+ Tốc độ thiết kế: V = 60-80km/h.

+ Đoạn 1: Từ Km0+00 - Km1+606 chiều dài 1,624 km: Giữ nguyên theo quy mô đường hiện trạng ban đầu. Bề rộng nền đường 11,0 m.

+ Đoạn 2: Từ Km1+606 - Km2+300 chiều dài khoảng 0,576 km: Đầu tư nâng cấp mở rộng đồng bộ với đoạn 1. Bề rộng nền đường 11,0 m.

+ Đoạn 3: Từ Km2+300 - Km12+945 chiều dài 10,745 km: Đầu tư xây dựng mới với quy mô bề rộng nền đường 12,0 m.

+ Đoạn 4 (đoạn tuyến nhánh bổ sung để kết nối với Tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong với tổng chiều dài khoảng 6,557 km): Đầu tư xây dựng mới với quy mô bề rộng nền đường 12,0 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, công trình an toàn giao thông.

- Phần đường: xây dựng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định với tổng chiều dài tuyến đường 19,445 km, bề rộng nền đường 12,0 m, kết cấu đường bê tông nhựa.

- Phần cầu:

+ Tuyến chính: xây dựng 05 cầu (tại Km 02+963,80; Km 03+341,8; Km 04+643,16; Km 06+465,64; Km 12+808,0).

+ Tuyến nhánh bổ sung: xây dựng 02 cầu (tại Km 1+353,70; Km 4+282).

- Xây dựng nút giao chính:

+ Tuyến chính: 01 nút giao Km 0+00 giao với Quốc lộ 19 và 01 nút giao Km2+200.

+ Tuyến nhánh: 01 nút giao Km 0+00 giao với tuyến chính và 01 nút giao tại Km 6+556,97.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án:

Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống chiếu sáng, hệ thống án toàn giao thông, đường giao dân sinh, hệ thống an toàn giao thông.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 06 công trường với tổng diện tích khoảng 15.525 m^2, bố trí 04 trạm trộn bê tông xi măng gồm: 01 trạm công suất 60 m^3/h và 03 trạm công suất 50 m^3/h; bố trí 17 bãi lưu chứa tạm dọc tuyến với tổng diện tích 90.789 m^2.

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 06 nhà vệ sinh di động; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1,733 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn (cuốn theo bùn, đất), chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; gây ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,…

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 5,4 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS),

các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khối lượng khoảng 2 m^3/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 1,7 tấn (tuyến chính 01 tấn, tuyến nhánh 0,7 tấn).

- Đất đá thừa từ hoạt động đào, đắp phát sinh khoảng 347.187,00 m^3 (tuyến chính 303181,62 m^3, tuyến nhánh 44.005,38 m^3).

- Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 27.837,67 m^3 (tuyến chính 13.729,49 m^3, tuyến nhánh 14.108,18 m^3).

- Hoạt động khoan cọc nhồi phát sinh lượng bentonite khoảng 668,9 m^3 (tuyến chính 564,76 m^3, tuyến nhánh 104,14 m^3).

- Hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng 110 m^3 xà bần (tuyến chính 60 m^3, tuyến nhánh 50 m^3).

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 90 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi (tuyến chính 60 kg/ngày, tuyến nhánh 30 kg/ngày).

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng….) với khối lượng khoảng 180 kg/suốt thời gian thi công (tuyến chính 100 kg, tuyến nhánh 80 kg).

3.3. Tiếng ồn và độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 06 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần dự án để sử dụng.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường của tuyến chính (kết cấu 2 ngăn, mỗi ngăn 1 m^3). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng để dập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải rắn thi công.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa tạm được bố trí rãnh thu gom xung quanh, bố trí các gờ giảm tốc để hạn chế sa bồi, sạt lở.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Đối với phương tiện vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường (nếu có) và tại các tuyến đường phục vụ thi công.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại công trường thi công để thu gom theo đúng quy định.

- Đất bóc phong hóa được tận dụng đắp tại vị trí xây dựng mái taluy để trồng cỏ.

- Đất, đá thừa: được vận chuyển về 11 bãi chứa tạm tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn; 04 bãi chứa tạm tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh; 02 bãi chứa tạm tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn dọc tuyến đường để lưu chứa, sau đó tận dụng phục vụ san lấp các dự án do Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh làm chủ đầu tư và các dự án khác của địa phương. (Phối hợp với đơn vị thi công và đơn vị có nhu cầu thực hiện thủ tục cấp phép khoáng sản để chuyển giao theo quy định của Luật Khoáng sản).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Tại mỗi công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa đất, rừng sản xuất

- Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Sau khi vận chuyển đất đá từ bãi lưu chứa tạm để thi công xây dựng các dự án khác, tiến hành san gạt và trồng cây phục hồi môi trường; trong quá trình vận chuyển đất đi có giữ lại lớp đất khoảng 0,5 m để trồng cây.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giải thiểu và ứng phóng sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

- Đối với bãi lưu chưa tạm gia cố kè đá dưới chân kết hợp vải địa kỹ thuật.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố nổ mìn

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp và phương án nổ mìn theo đúng quy định, lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố trước khi tiến hành nổ mìn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

a) Tuyến chính

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 Đầu tuyến tại ngã tư của nút giao thông giữa Quốc lộ 19 và ĐT.638 (tọa độ X = 1.532.582; Y = 584.786).

+ 01 Khu dân cư Thọ Tân Bắc tại km 2+764 (tọa độ X = 1.530.128; Y = 583.561).

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

b) Tuyến nhánh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 Khu dân tại thôn Nam Tượng 3 tại km 0+700 (tọa độ X = 1.531.060; Y = 583.167).

+ 01 Khu dân cư thôn 4, xã Bình Nghi tại km5+900 (tọa độ X = 1.533.3791; Y = 579.441).

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát nước mặt

a) Tuyến chính

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 Xây dựng cầu km 2+963,8 (tọa độ X = 1.529.861; Y = 583.574).

+ 01 Xây dựng cầu Km 3+341,81 (tọa độ X = 1.529.522; Y = 583.638).

- Thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B1).

b) Tuyến nhánh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 Xây dựng cầu vượt qua kênh chính Núi Một (tọa độ X = 1.531.357; Y = 582.585).

+ 01 Xây dựng cầu qua sông ông Hiến (tọa độ X = 1.532.166; Y = 579.853).

- Thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B1).

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN

27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.